

QUY TẮC BẢO HIỂM TOÀN DIỆN MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 688/QĐ-BHBV ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho BẢO VIỆT để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách.

Mục Lục

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG	2
PHẦN 2- BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ MÔ TÔ - XE GẮN MÁY	9
PHẦN 3- BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI THEO CHỖ NGỒI TRÊN MÔ TÔ - XE GẮN MÁY.....	11
PHẦN 4- BẢO HIỂM VẬT CHẤT MÔ TÔ - XE GẮN MÁY	13
PHẦN 5- BẢO HIỂM MẤT CẤP, MẤT CƯỚP TOÀN BỘ XE.....	14

PHẦN 1- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 “BẢO VIỆT”: là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hoặc Công ty Bảo Việt thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 1.2 “Chủ xe cơ giới”: là chủ sở hữu mô tô - xe gắn máy hoặc được chủ sở hữu mô tô - xe gắn máy giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp mô tô - xe gắn máy.
- 1.3 “Mô tô - xe gắn máy” (xe cơ giới): bao gồm xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự theo quy định của pháp luật.
- 1.5 “Cháy”: là phản ứng hoá học giữa chất cháy và ô xy trong không khí có sự toả nhiệt và phát ánh sáng.
- 1.6 “Nổ”: là hiện tượng cháy xảy ra với tốc độ nhanh làm hỗn hợp khí xung quanh giãn nở đột biến sinh công gây nổ (không bao gồm nổ lý học là những trường hợp nổ do áp suất trong một thể tích tăng lên quá cao, thể tích đó không chịu được áp lực nên bị nổ).
- 1.7 “Giá thị trường”: là giá mua bán của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km lăn bánh, được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.
- 1.8 “Thời gian sử dụng xe”: là khoảng thời gian tính từ năm sản xuất được ghi trên đăng ký xe đến năm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
- 1.9 “Người khác ngồi trên mô tô - xe gắn máy”: là người được chủ xe hoặc người điều khiển mô tô - xe gắn máy đó cho phép lên xe.
- 1.10 “Bên thứ ba” là người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do mô tô - xe gắn máy gây ra, trừ những người sau:
 - a) Người lái xe, người trên chính chiếc xe đó.
 - b) Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
- 1.11 Người được bảo hiểm là chủ xe cơ giới hoặc người lái xe có trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.
- 1.12 Tham gia giao thông là việc chủ xe, người lái xe điều khiển mô tô - xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.
- 1.13 “Ngày” (thời hạn) quy định trong Quy tắc này là ngày làm việc.

Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là giao kết giữa BẢO VIỆT và Chủ xe cơ giới, bao gồm:

- 2.1 Quy tắc bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa chủ xe cơ giới và Bảo Việt. Mỗi xe cơ giới được cấp 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm. Chủ xe cơ giới bị mất Giấy chứng nhận bảo hiểm phải có văn bản đề nghị Bảo Việt (nơi đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm) cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.2 Bảo Việt cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ xe cơ giới khi chủ xe cơ giới đã thanh toán phí bảo hiểm hoặc cam kết thanh toán phí bảo hiểm theo quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.3 Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải kê khai đầy đủ và trung thực các thông tin được nêu trong giấy yêu cầu bảo hiểm (áp dụng với bảo hiểm vật chất và mất cắp xe).
- 2.4 Điều khoản sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm: là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Quy tắc bảo hiểm.
- 2.5 Các thỏa thuận khác nếu có được lập thành văn bản giữa Chủ xe và BẢO VIỆT.

Điều 3. Hiệu lực bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Điều khoản bổ sung

4.1 Chỉ tham gia bảo hiểm cháy, nổ mô tô – xe gắn máy:

Chỉ nhận bảo hiểm theo phạm vi bảo hiểm quy định tại Khoản 24.2 Điều 24. Các quy định khác không thay đổi.

4.2 Các điều khoản, quy định khác ngoài Quy tắc này, Chủ xe cơ giới và BẢO VIỆT có thể thỏa thuận bảo hiểm bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng, trên cơ sở chấp thuận của BẢO VIỆT và theo nguyên tắc mở rộng phạm vi sẽ tăng phí, thu hẹp phạm vi sẽ giảm phí.

Điều 5. Sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm

5.1 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, nếu có sự thay đổi về kết cấu xe Chủ xe cơ giới phải kịp thời thông báo cho Bảo Việt để áp dụng mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

5.2 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, Chủ xe cơ giới có thể yêu cầu BẢO VIỆT sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở yêu cầu của Chủ xe cơ giới, nếu chấp nhận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng BẢO VIỆT sẽ cấp sửa đổi bổ sung bằng văn bản.

- 5.3 Chủ sẽ phải nộp thêm phí/hoặc được hoàn lại một phần phí bảo bảo hiểm (tùy thuộc vào mức độ rủi ro, phạm vi bảo hiểm của từng sửa đổi bổ sung) theo tỷ lệ giữa thời hạn sửa đổi bổ sung với thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 6. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn

- 6.1 Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp phải Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị thu hồi theo quy định của Bộ Công an.
- 6.2 Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe cơ giới không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định tại Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng giao kết ban đầu và BẢO VIỆT không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, BẢO VIỆT phải hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã thanh toán thừa (nếu có) hoặc yêu cầu chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm đến thời điểm hợp đồng bảo hiểm chấm dứt. BẢO VIỆT không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực kể từ thời điểm chủ xe cơ giới thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm và được BẢO VIỆT chấp thuận bằng văn bản.

- 6.3 Đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp chủ xe chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho BẢO VIỆT. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe, BẢO VIỆT phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. BẢO VIỆT không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp BẢO VIỆT đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày BẢO VIỆT thông báo bằng văn bản cho chủ xe, BẢO VIỆT phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 7. Phí bảo hiểm

Áp dụng biểu phí theo quy định của BẢO VIỆT ban hành kèm theo Quyết định số 688/QĐ-BHBV ngày 05 tháng 02 năm 2021 bao gồm: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện của chủ mô tô – xe gắn máy; Bảo hiểm tai nạn con người theo

chỗ ngồi trên mô tô – xe gắn máy; Bảo hiểm vật chất mô tô – xe gắn máy; Bảo hiểm mất cắp, mất cướp xe.

Điều 8. Mức trách nhiệm bảo hiểm/Số tiền bảo hiểm

- 8.1 Mức trách nhiệm/số tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà BẢO VIỆT có thể phải trả đối với thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.
- 8.2 BẢO VIỆT nhận bảo hiểm thêm phần mức trách nhiệm cao hơn mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của Chủ xe cơ giới.
- 8.3 Đối với bảo hiểm vật chất, bảo hiểm mất cắp/mất cướp: Số tiền bảo hiểm do BẢO VIỆT và Chủ xe cơ giới thoả thuận theo giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm không được lớn hơn giá thị trường của xe. Giá thị trường có thể được xem xét thống nhất điều chỉnh lại bất kể thời điểm nào nếu một trong hai bên có đủ bằng chứng xác định rằng giá thị trường của xe ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm là chưa chính xác.

Điều 9. Tham gia nhiều hợp đồng bảo hiểm

- 9.1 Trường hợp Chủ xe cơ giới tham gia đồng thời nhiều hợp đồng bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của Chủ xe cơ giới, thì BẢO VIỆT sẽ bồi thường theo tỷ lệ giữa mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm trên tổng mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện của tất cả các hợp đồng mà chủ mô tô - xe gắn máy đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của các hợp đồng không vượt quá số tiền thực tế (đã trừ số tiền bồi thường theo mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc) mà chủ xe cơ giới phải bồi thường cho nạn nhân theo hòa giải dân sự hoặc theo phán quyết của Tòa án.
- 9.3 Trường hợp Chủ xe cơ giới tham gia đồng thời nhiều hợp đồng bảo hiểm tai nạn con người theo chỗ ngồi trên xe. Bảo Việt chịu trách nhiệm bồi thường theo số tiền bảo hiểm mà Chủ xe đã giao kết.
- 9.4 Trường hợp Chủ xe cơ giới tham gia đồng thời nhiều hợp đồng bảo hiểm vật chất, mất cắp/mất cướp xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bảo Việt chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm ghi trong giấy chứng nhận/hợp đồng bảo hiểm trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà Chủ xe đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của tất cả các hợp đồng không vượt quá giá trị thực tế của xe.
- 9.5 Những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các hợp đồng bảo hiểm (nếu có) sẽ được giải quyết độc lập theo từng hợp đồng Bảo hiểm.

Điều 10. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại

- 10.1 Thông báo tai nạn:
 - a) Khi xe bị tai nạn, Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người cũng như tài sản, đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an, BẢO VIỆT để phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng),

bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải gửi thông báo tai nạn bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử cho BẢO VIỆT.

- b) Đối với trường hợp mất cắp, mất cướp xe chủ xe cơ giới hoặc lái xe phải thông báo ngay cho cơ quan Công an và BẢO VIỆT. Chậm nhất trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự việc chủ xe cơ giới phải gửi thông báo mất cắp, mất cướp xe cho BẢO VIỆT.
- c) Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản bị thiệt hại khi chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- d) Trường hợp tai nạn có liên quan đến người khác thì Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải xác định và cung cấp thông tin cho BẢO VIỆT để có cơ sở liên lạc và xác minh được vụ tai nạn.

10.2 Giám định thiệt hại:

- a) Khi xảy ra tai nạn, BẢO VIỆT hoặc người được BẢO VIỆT ủy quyền phải phối hợp chặt chẽ với Chủ xe cơ giới, người lái xe, bên thứ ba hoặc người đại diện hợp pháp của các bên liên quan thực hiện việc giám định thiệt hại để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. BẢO VIỆT chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- b) Trường hợp Chủ xe cơ giới, người lái xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BẢO VIỆT xác định, hai bên có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra thiệt hại hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
- c) Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của BẢO VIỆT, BẢO VIỆT phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của BẢO VIỆT, Chủ xe cơ giới, người lái xe phải trả chi phí giám định độc lập.
- d) Trong trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể thực hiện được việc giám định, BẢO VIỆT được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

Điều 11. Hồ sơ bồi thường

BẢO VIỆT phối hợp với chủ xe, người bị thiệt hại, cơ quan công an và các bên liên quan đến vụ tai nạn để thu thập các tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn giao thông để lập Hồ sơ bồi thường. Hồ sơ bồi thường bao gồm các tài liệu sau:

11.1 Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường kèm tài liệu liên quan đến xe, người lái xe (Bản sao công chứng hoặc Bản sao có xác nhận của BẢO VIỆT sau khi đã đối chiếu với bản chính) do bên mua bảo hiểm, người được Bảo hiểm cung cấp:

- a) Giấy đăng ký xe (hoặc bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe kèm bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực, thay cho bản chính Giấy đăng ký xe trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính Giấy đăng ký xe) hoặc chứng từ chuyển quyền sở hữu xe và chứng từ nguồn gốc xe (trường hợp không có giấy đăng ký xe).
- b) Giấy phép lái xe đối với loại mô tô - xe gắn máy bắt buộc phải có giấy phép lái xe (không áp với trường hợp bị cháy, nổ xe và mất cắp, mất cướp).
- c) Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác của người lái xe (không áp với trường hợp bị cháy, nổ xe và mất cắp, mất cướp).
- d) Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- e) Chứng minh thư hoặc hộ chiếu; Giấy tờ liên quan chứng minh là chủ sở hữu xe bị thiệt hại.

11.2 Tài liệu chứng minh thiệt hại về sức khỏe, tính mạng (Bản sao của các cơ sở y tế hoặc bản sao có xác nhận của BẢO VIỆT sau khi đã đối chiếu với bản chính) do bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp:

- a) Giấy chứng nhận thương tích.
- b) Hồ sơ bệnh án.
- c) Trích lục khai tử hoặc Giấy báo tử hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y đối với trường hợp nạn nhân chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn.

11.3 Tài liệu chứng minh thiệt hại đối với tài sản do bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp:

- a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra (trường hợp BẢO VIỆT thực hiện sửa chữa, khắc phục thiệt hại, BẢO VIỆT có trách nhiệm thu thập giấy tờ này).

Đối với bảo hiểm vật chất trường hợp chủ xe cơ giới không sửa chữa xe và BẢO VIỆT chấp nhận bồi thường bằng tiền trên cơ sở đánh giá thiệt hại hồ sơ chứng minh thiệt hại gồm: Báo giá sửa chữa của cơ sở sửa chữa xe và bản duyệt giá sửa chữa của BẢO VIỆT.

- b) Các giấy tờ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí phát sinh mà chủ xe cơ giới đã chi ra để giảm thiểu thiệt hại hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BẢO VIỆT.
- c) Tài liệu hồ sơ liên quan đến và phục vụ cho việc thế quyền/ủy quyền đòi bồi thường bên có lỗi gây thiệt hại (áp dụng đối với bảo hiểm mất cắp, mất cướp xe, bảo hiểm vật chất xe trường hợp bên thứ ba có lỗi gây thiệt hại).
- 11.4 Biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BẢO VIỆT lập được thống nhất giữa BẢO VIỆT và bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm.
- 11.5 Các tài liệu xác định nguyên nhân, địa điểm xảy ra thiệt hại áp dụng đối với bảo hiểm vật chất, cháy nổ, mất cắp, mất cướp xe.
- a) Đối với trường hợp tai nạn: Các bản sao Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn; Sơ đồ hiện trường, bản ảnh (nếu có); Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn; Thông báo sơ bộ kết quả Điều tra ban đầu vụ tai nạn giao thông; Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).
- b) Đối với trường hợp mất cắp, mất cướp toàn bộ:
- Trường hợp mất cắp không để lại dấu vết, mất cướp: bản sao biên bản ghi lời khai của cơ quan công an về việc người mất xe trình báo mất cắp, mất cướp với cơ quan công an. Sơ đồ hiện trường mất cắp, mất cướp (nếu có).
 - Trường hợp mất cắp, mất cướp có để lại dấu vết cây phá, tang vật: bổ sung thêm biên bản khám nghiệm hiện trường, ghi nhận dấu vết, tang vật liên quan đến vụ mất cắp, mất cướp.
 - Vé gửi xe, giấy phép của bãi gửi xe (trường hợp xe bị mất trong bãi gửi xe); Các bằng chứng chứng minh dấu vết mất cắp (ghi hình, biên bản xác nhận ...).
- c) Trường hợp không có cơ quan công an giải quyết (chỉ áp dụng đối với trường hợp thiệt hại do tai nạn), gồm:
- Tai nạn tự gây không liên quan đến thiệt hại về người và tài sản của bên thứ ba hoặc bất cứ trường hợp nào khác mà thực tế không có cơ quan công an tiến hành giải quyết vụ tai nạn đó.
 - Hồ sơ xác định nguyên nhân tai nạn, địa điểm tai nạn trong trường hợp không có công an giải quyết sẽ do BẢO VIỆT thực hiện bao gồm: Biên bản xác minh vụ tai nạn giữa BẢO VIỆT và chủ mô tô - xe gắn máy có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn; Biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BẢO VIỆT hoặc người được BẢO VIỆT ủy quyền lập; Các tài liệu do BẢO VIỆT yêu cầu có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

Điều 12. Tai nạn liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (người có lỗi gây thiệt hại)

Trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (bên có lỗi gây thiệt hại) thì Chủ xe cơ giới phải bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền

đòi bồi thường cho BẢO VIỆT kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BẢO VIỆT đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BẢO VIỆT bồi thường.

Trường hợp người thứ ba đã bồi thường cho Chủ xe số tiền thấp hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BẢO VIỆT, thì BẢO VIỆT sẽ thanh toán nốt phần chênh lệch giữa số tiền bồi thường và số tiền chủ xe đã nhận được từ người thứ ba. Trường hợp người thứ ba đã bồi thường bằng hoặc lớn hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BẢO VIỆT, thì BẢO VIỆT sẽ không phải bồi thường cho Chủ xe cơ giới vì thiệt hại đã được bên thứ ba bồi thường.

Điều 13. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại bồi thường

- 13.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường của Chủ xe cơ giới là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
- 13.2 Thời hạn thanh toán bồi thường của BẢO VIỆT là 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không quá 30 ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ.
- 13.3 Trường hợp từ chối bồi thường, BẢO VIỆT phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe cơ giới biết lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm hợp lệ.
- 13.4 Thời hiệu khởi kiện về việc bồi thường bảo hiểm là 03 (ba) năm kể từ ngày BẢO VIỆT thanh toán bồi thường hoặc từ chối bồi thường. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN 2- BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

Căn cứ vào Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, BẢO VIỆT nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe gắn máy với các điều khoản như sau:

Điều 15. Đối tượng bảo hiểm trách nhiệm dân sự

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba do mô tô - xe gắn máy gây ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 16. Phạm vi bảo hiểm trách nhiệm dân sự

Thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do mô tô - xe gắn máy gây ra.

Điều 17. Loại trừ bảo hiểm bảo hiểm trách nhiệm dân sự

BẢO VIỆT không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

- 17.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe cơ giới, người lái xe hoặc người bị thiệt hại.
- 17.2 Người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Trường hợp người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy nhưng đã thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe Cơ giới thì không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- 17.3 Người lái xe chưa đủ độ tuổi hoặc quá độ tuổi điều khiển xe cơ giới theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ; người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe) hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa hoặc sử dụng Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không phù hợp đối với xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
- 17.4 Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp bao gồm: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
- 17.5 Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 17.6 Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- 17.7 Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- 17.8 Chiến tranh, khủng bố, động đất.

Điều 18. Bồi thường bảo hiểm

- 18.1 Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, BẢO VIỆT phải bồi thường cho người được bảo hiểm số tiền mà người được bảo hiểm đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Trường hợp người được bảo hiểm chết, mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án, BẢO VIỆT bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi).

- 18.2 Thiệt hại về người: Số tiền bồi thường thiệt hại về người sau khi được giải quyết bồi thường theo quy định tại Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, phần còn lại sẽ được tính vào Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện theo nguyên tắc sau:
- Trường hợp Mức trách nhiệm tự nguyện tăng thêm đến 150 triệu đồng: Mức bồi thường được tính theo tỷ lệ trong Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.
 - Trường hợp Mức trách nhiệm tự nguyện tăng thêm trên 150 triệu đồng: mức bồi thường được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế hợp lý và mức độ lỗi của chủ xe cơ giới. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm; Hoặc thoả thuận bồi thường giữa chủ xe cơ giới và bên thứ ba; Hoặc quyết định bồi thường của Tòa án.
- 18.3 Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của bên thứ ba, thì mức bồi thường bảo hiểm về sức khỏe, tính mạng đối với các đối tượng thuộc bên thứ ba bằng 50% mức bồi thường quy định tại khoản 18.2 Điều 18 hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi), nhưng không vượt quá 50% mức bồi thường quy định tại khoản 18.2 Điều 18.
- 18.4 Trường hợp nhiều xe cơ giới gây tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, mức bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm nhưng tổng mức bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.
- 18.6 Thiệt hại tài sản: Mức bồi thường cụ thể về thiệt hại đối với tài sản/1 vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

PHẦN 3- BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI THEO CHỖ NGỒI TRÊN MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

Điều 19. Đối tượng bảo hiểm tai nạn con người

Đối tượng bảo hiểm là thiệt hại về sức khỏe, tính mạng đối với người điều khiển xe và người khác ngồi trên xe (dưới đây gọi là Người được bảo hiểm).

Điều 20. Phạm vi bảo hiểm tai nạn con người

Người được bảo hiểm bị tai nạn khi đang trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 21. Không thuộc phạm vi bảo hiểm tai nạn con người

BẢO VIỆT không nhận bảo hiểm và không giải quyết trả tiền bảo hiểm về thiệt hại của Người được bảo hiểm xảy ra trong những trường hợp sau:

- 21.1 Tai nạn xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 20; tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 21.2 Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại; sử dụng mô tô - xe gắn máy để đua (hợp pháp hoặc trái phép).
- 21.3 Người được bảo hiểm điều khiển xe gắn máy chưa đủ 16 tuổi.

Điều 22. Quyền lợi của bảo hiểm tai nạn con người

Trường hợp tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, BẢO VIỆT trả tiền bảo hiểm như sau:

- 22.1 Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết được thanh toán toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 22.2 Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể:
 - a) Số tiền bảo hiểm từ 150 triệu đồng trở xuống: mức bồi thường theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.
 - b) Số tiền bảo hiểm trên 150 triệu đồng:
 - Thương tật tạm thời: Được thanh toán theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (chi phí bồi dưỡng tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày) người bị thương trong thời gian điều trị thương tật, nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.
 - Thương tật vĩnh viễn: Được bồi thường theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại Bảng quy định trả tiền nói trên.
- 22.3 Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 6 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, thì BẢO VIỆT sẽ bồi thường (cho cả người lớn và trẻ em dưới 6 tuổi) theo tỷ lệ giữa số chỗ tham gia bảo hiểm với số người thực tế chở trên xe.
- 22.4 Bồi thường trường hợp người điều khiển xe không có giấy phép lái xe.

Trong trường hợp người điều khiển mô tô - xe gắn máy từ 50 cm³ trở lên không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không hợp lệ, BẢO VIỆT bồi thường 50% mức trách nhiệm như quy định tại Khoản 22.1, 22.2 và 22.3 Điều 22. Những người khác ngồi trên xe (không phải là người điều khiển xe) được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm như quy định tại Khoản 22.1, 22.2 và 22.3 Điều 22.

PHẦN 4- BẢO HIỂM VẬT CHẤT MÔ TÔ - XE GẮN MÁY

Điều 23. Đối tượng bảo hiểm vật chất xe

BẢO VIỆT nhận bảo hiểm vật chất các loại mô tô - xe gắn máy có đăng ký hợp lệ. Có giá trị xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm không thấp hơn 10.000.000 đồng.

Điều 24. Phạm vi bảo hiểm vật chất xe

BẢO VIỆT bồi thường cho Chủ xe cơ giới những thiệt hại vật chất xe xảy ra do những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của Chủ xe cơ giới, lái xe trong những trường hợp:

- 24.1 Đâm, va, lật, đổ.
- 24.2 Do hỏa hoạn, cháy, nổ bất ngờ.
- 24.3 Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, lũ, lụt (do mưa hoặc triều cường), sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

Điều 25. Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm vật chất xe

BẢO VIỆT không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất mô tô - xe gắn máy trong các trường hợp sau:

- 25.1 Tai nạn xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 24 trên đây; tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 25.2 Hành động cố ý gây tai nạn của lái xe; sử dụng mô tô - xe gắn máy để đua (bao gồm cả hợp pháp và trái phép), sử dụng xe cướp giật tài sản hoặc sử dụng vào các mục đích bất hợp pháp khác gây tai nạn.
- 25.3 Lái xe không có giấy phép lái xe hoặc có nhưng không hợp lệ và phù hợp đối với loại xe điều khiển (đối với loại xe bắt buộc phải có giấy phép lái xe).
- 25.4 Hao mòn, hỏng hóc do sử dụng, lão hoá, mất giá, hỏng hóc do khuyết tật hoặc thiệt hại thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử).
- 25.6 Chi phí thay xăng, nhiên liệu, dầu nhớt.
- 25.7 Thiệt hại đối với sẫm lớp, nhãn mác, logo trừ trường hợp thiệt hại này xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một tai nạn.
- 25.8 Những vụ thiệt hại dưới 300.000 đồng.

Điều 26. Bồi thường thiệt hại vật chất xe

BẢO VIỆT chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để sửa chữa, thay thế (nếu không thể sửa chữa được) bộ phận bị thiệt hại, hoặc trả tiền cho Chủ xe cơ giới để bù đắp thiệt hại trên cơ sở xác định được chi phí sửa chữa, khắc phục thiệt hại có thể phải trả.

Khi BẢO VIỆT đã chấp nhận thay thế bộ phận bị hư hỏng hoặc bồi thường thiệt hại toàn bộ thì bộ phận hư hỏng đã được thay thế hoặc xác xe đã được bồi thường thiệt hại toàn bộ thuộc quyền sở hữu của BẢO VIỆT, Chủ xe cơ giới có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu cho BẢO VIỆT. Nếu xe được bảo hiểm dưới giá trị thì BẢO VIỆT thu hồi theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe.

26.1 Bồi thường thiệt hại bộ phận:

BẢO VIỆT bồi thường theo chi phí thực tế, hợp lý để phục hồi sửa chữa xe bị tai nạn. Trường hợp phải thay thế phụ tùng, BẢO VIỆT sẽ bồi thường theo đúng giá trị của phụ tùng thay thế (không trừ khấu hao).

Trường hợp bảo hiểm dưới giá trị thực tế của xe BẢO VIỆT bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe.

26.2 Bồi thường thiệt hại toàn bộ:

Xe được coi là thiệt hại toàn bộ khi chi phí phục hồi sửa chữa trên 85% hoặc đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn. BẢO VIỆT bồi thường cho chủ xe cơ giới toàn bộ số tiền bảo hiểm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc theo giá thị trường đã thống nhất điều chỉnh lại.

Trong mọi trường hợp Tổng số tiền bồi thường thiệt hại vật chất xe của BẢO VIỆT không vượt quá số tiền bảo hiểm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

PHẦN 5- BẢO HIỂM MẤT CẤP, MẤT CƯỚP TOÀN BỘ XE

Điều 27. Đối tượng bảo hiểm mất cấp, mất cướp xe

BẢO VIỆT nhận bảo hiểm mất cấp, mất cướp toàn bộ đối với mô tô - xe gắn máy có đăng ký hợp lệ, chính chủ theo quy định của pháp luật, thời gian sử dụng không quá 05 năm tính từ năm sản xuất trên đăng ký xe; có giá trị mua mới không thấp hơn 20.000.000 đồng.

Điều 28. Phạm vi bảo hiểm mất cấp, mất cướp xe

BẢO VIỆT nhận bảo hiểm mất cấp, mất cướp toàn bộ xe trong các trường hợp và rủi ro sau đây:

- 28.1 Bị cướp hoặc tấn công bằng vũ lực.
- 28.2 Mất cấp tại nhà, nơi cư trú bị trộm cướp đột nhập, cạy phá có dấu vết, bằng chứng để lại.
- 28.3 Mất cấp tại các điểm trông giữ xe của trường học, bệnh viện, tòa nhà, cơ quan nhà nước, các điểm trông giữ xe công cộng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đồng thời có phiếu, thẻ, vé giữ xe.
- 28.4 Mất cấp, mất cướp trong trường hợp bị tai nạn giao thông.
- 28.5 Đối với các trường hợp mất cấp khác ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 28.2, 28.3, 28.4 Điều 28 thì được bồi thường tối đa 60% số tiền bảo hiểm.

Điều 29. Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm mất cấp, mất cướp xe

BẢO VIỆT không nhận bảo hiểm, do đó không bồi thường thiệt hại mất cấp, mất cướp mô tô - xe gắn máy trong các trường hợp sau:

- 29.1 Mất cấp, mất cướp xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 29.2 Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê/cho mượn/siết nợ/cầm cố/tranh chấp kinh tế). Thiệt hại bị quy

cho hành vi lừa đảo, lợi dụng lòng tin của bất kỳ người nào mà theo định nghĩa của bộ luật hình sự là lừa đảo, phạm tội, lợi dụng lòng tin hoặc do hành vi gian lận, không trung thực, thông đồng với kẻ gian của Chủ xe cơ giới, lái xe.

29.3 Mất cắp, mất cướp bộ phận xe.

Điều 30. Bồi thường thiệt hại mất cắp, mất cướp xe

- 30.1 BẢO VIỆT bồi thường cho chủ xe cơ giới toàn bộ số tiền bảo hiểm (trừ trường hợp mất cắp quy định tại Khoản 28.5 Điều 28) theo giá thị trường của xe tại thời điểm mất cắp, mất cướp và không lớn hơn số tiền bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 30.2 BẢO VIỆT sẽ thanh toán tối đa 60% số tiền bảo hiểm trong các trường hợp mất cắp quy định tại Khoản 28.5 Điều 28.
- 30.3 BẢO VIỆT sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người được bảo hiểm không gửi thông báo mất cắp, mất cướp xe bằng văn bản cho BẢO VIỆT trong vòng 10 ngày kể từ ngày xảy ra sự việc mất cắp, mất cướp xe (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).
- 30.4 Trong mọi trường hợp, sau khi chủ xe cơ giới nhận được tiền bồi thường của BẢO VIỆT nếu xe được tìm lại sẽ thuộc quyền sở hữu của BẢO VIỆT. Chủ xe cơ giới có trách nhiệm thông báo cho BẢO VIỆT và làm các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho BẢO VIỆT.

